

Hà Nội, ngày 26 ngày 04 năm 2018

BẢN TIN TUẦN
DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC PHỤC VỤ VẬN HÀNH CÔNG TRÌNH THỦY LỢI CẤP
NƯỚC CHO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VÀ DÂN SINH

Lưu vực sông Cà Lồ - Ngũ Huyện Khê
(Tuần từ ngày 27/04/2018 đến ngày 03/05/2018)

I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC

1. Lượng mưa

TT	Trạm	Lượng mưa trong tuần (mm)	Lượng mưa lũy tích từ đầu năm (mm)	So sánh lượng mưa lũy tích với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo lượng mưa từ ngày		
				Trung bình nhiều năm	Năm 2017	Năm 2016	27/04/2018	đến ngày	03/05/2018
1	Tam Đảo	29,6	2499,4	+ 15,2	+ 15,9	+ 36,1	có mưa, lượng mưa		38,5 mm
2	Vĩnh Yên	47,8	1505,1	+ 11,4	-8,5	+ 30,2	có mưa, lượng mưa		34,6 mm
3	Bến Hồ	3,4	1437,4	+ 12,2	+ 29,5	+ 43,7	có mưa, lượng mưa		27,2 mm
4	Đáp Cầu	4,1	1443,2	+ 11,6	+ 11,5	-2,6	có mưa, lượng mưa		31,9 mm
	Trung bình	27,8							

Nhận xét:

Trong tuần qua, trên toàn vùng phổ biến có mưa, lượng mưa tập trung vào ngày 25/04 (tổng lượng mưa tuần qua tại trạm Tam Đảo xấp xỉ 29,6 mm, tại trạm Vĩnh Yên 47,8 mm). Lượng mưa tích lũy tại các trạm từ đầu vụ đến thời điểm phát bản tin đều cao hơn TBNN từ 11,4% tới hơn 15%.

Dự báo trong tuần tới, trên toàn vùng phổ biến có mưa, mưa lớn tập trung vào ngày 27/04, từ 28/04 có mưa nhỏ đến mưa vừa rải rác, tổng lượng mưa phổ biến từ 20-40 mm.

2. Nguồn nước trên hệ thống sông

2.1 Lượng nước đến từ thượng du

Tên trạm	Thuộc sông	Lưu lượng BQ tuần hiện tại (m ³ /s)	Lưu lượng BQ tuần tới (m ³ /s)	So sánh MNBQ tuần tới với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo xu thế nguồn nước đến so với TBNN
				TB nhiều năm	Năm 2016	Năm 2015	
Sơn Tây	Hồng	1494	1840	+ 1,2	-25	-49,7	Tăng
Thượng Cát	Đuống	645	711	+ 42,4	+ 1,1	-29,4	Tăng

2.2 Mục nước tại các trạm thủy văn

Tên trạm	Thuộc sông	Mức nước BQ tuần hiện tại (m)	Mức nước BQ tuần tới (m)	So sánh MNBQ tuần hiện tại với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo xu thế nguồn nước đến so với TBNN
				TB nhiều năm	Năm 2016	Năm 2015	
Đáp Cầu	Cầu	0,87	0,75		+ 24,8	-3	
Thượng Cát	Đuống	1,17	1,30		+ 1,1	-31	

3. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi

3.1. Nguồn nước trữ các hồ chứa thủy lợi

TT	Hồ chứa	Dung tích trữ thiết kế (triệu m ³)	W trữ hiện tại so với W _{tk} (%)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo xu thế nguồn nước	Dự kiến W trữ cuối tuần (%)
				TBNN	2017	2016		
1	Hồ Đại Lải	25,40	44,18		11,47	-31,70	Tăng	43,40
2	Hồ Xạ Hương	12,73	52,53		287,91	15,63	Tăng	51,98
3	Hồ Thanh Lanh	9,89	39,50		13,27	-34,78	Tăng	46,58
	Tổng/ TB	48,02	45,40		104,22	-16,95		47,32

Nhận xét:

- Hiện tại, mức nước tại các hồ chứa trong lưu vực đều đang thấp hơn mức nước thiết kế.

- Tổng dung tích 3 hồ là 48,02 triệu m³

- Lượng trữ so với dung tích thiết kế chiếm 45,40%

3.2. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi (công, trạm bơm)

TT	Tên công trình	Mức nước thiết kế (m)	Mức nước BQ tuần tới (m)	Mức nước MAX tuần tới (m)	Mức nước MIN tuần tới (m)	Dự báo xu thế nguồn nước đến so với thiết kế
1	TB Bạch Hạc	5,47	5,94	6,05	5,83	Giảm
2	TB Đại Định	5,57	5,50	5,59	5,41	Giảm
3	TB Áp Bắc	2,80	1,97	2,11	1,81	Giảm
4	Công Long Tửu	2,58	1,43	1,66	1,18	Giảm
	Trung bình	4,11	3,71	3,85	3,56	

II. KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC CỦA CÔNG TRÌNH THỦY LỢI, TÌNH HÌNH HẠN HÁN VÀ KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG NƯỚC

1. Khả năng cấp nước

Tổng nhu cầu nước của 7 công trình là: $15,928 \times 10^6 m^3$

Nguồn nước trữ tại các hồ chứa đều dưới mức nước thiết kế

Lượng mưa và dòng chảy đến trong vụ đều được dự báo ở mức khá cao

Do vậy, dự báo đủ nguồn nước cung cấp cho tưới của vụ đông xuân

Bảng tổng hợp nhu cầu nước tuần dự báo

Đơn vị: $10^6 m^3$

Ngày	Hồ Đại Lải	Hồ Xạ Hương	Hồ Thanh Lanh	TB Bạch Hạc	TB Đại Định	TB Áp Bắc	Công Long Tửu	Tổng
4/27/2018	0,021	0,010	0,003	0,125	0,104	0,242	0,987	1,492
4/28/2018	0,127	0,069	0,022	0,774	0,648	0,375	1,553	3,567
4/29/2018	0,124	0,067	0,022	0,754	0,630	0,375	1,553	3,524
4/30/2018	0,120	0,064	0,021	0,729	0,610	0,368	1,525	3,437
5/1/2018	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,398	1,670	2,068
5/2/2018	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,354	1,485	1,839
5/3/2018	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,363	1,523	1,887
Tổng	0,391	0,210	0,069	2,382	1,992	2,113	8,772	15,928

a) Với công trình là các hồ chứa

TT	Tên công trình	Dung tích so với thiết kế (%)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Đông Xuân 2017-2018			Ghi chú
				Dung tích cuối vụ so với TK (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	
1	Hồ Đại Lải	44,18	1800	41,70	41,7	751	
2	Hồ Xạ Hương	52,53	840	51,02	51,0	429	
3	Hồ Thanh Lanh	39,50	1200	39,06	39,1	469	

b) Với công trình là các trạm bơm, cống tưới khu vực ít chịu ảnh hưởng thủy triều

	Tên công trình	Mức nước thiết kế (m)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo tuần tới			Ghi chú
				Mức nước so với TK (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	
1	TB Bạch Hạc	5,47	6.400	9,80	109,80	7.027	Đủ nước
2	TB Đại Định	5,57	8.000	-0,32	99,68	7.974	Đủ nước
3	TB Ấp Bắc	2,80	5.200	-26,04	73,96	3.846	Thiếu nước
4	Cống Long Tửu	2,58	27.600	-36,86	63,14	17.427	Thiếu nước

Nhận xét và khuyến cáo:

Hầu hết các công trình đều đảm bảo cấp nước.

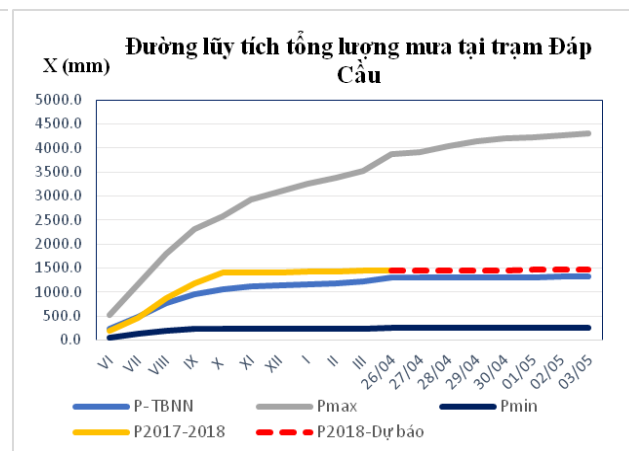
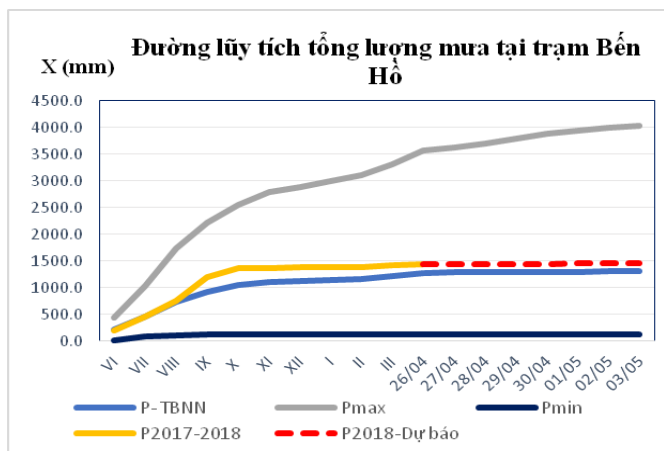
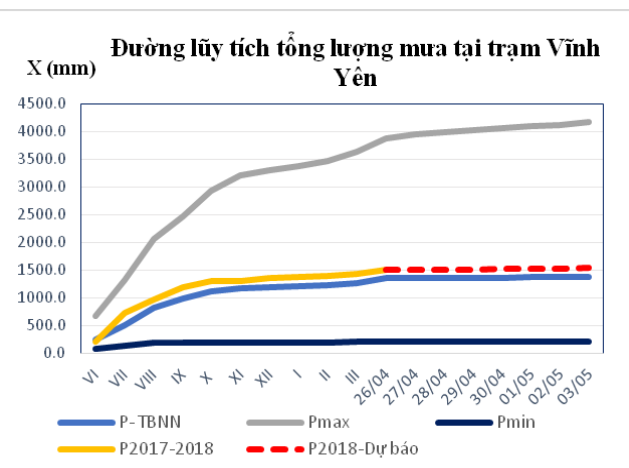
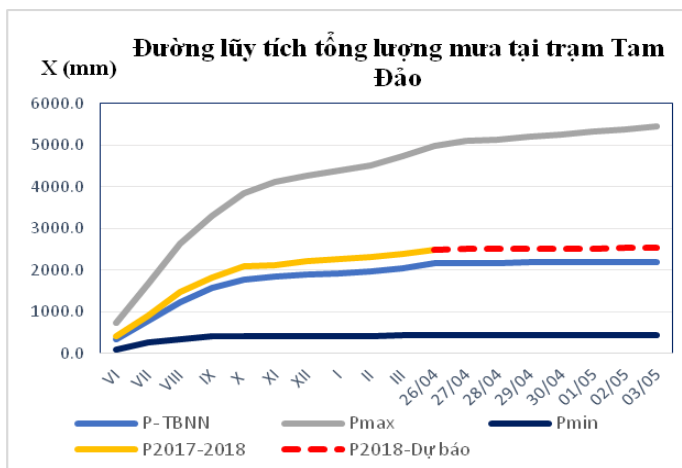
Sau thời kỳ xả nước của các hồ thủy điện, mực nước sông Đuống thấp, cống Long Tửu không mở lấy nước.

2. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi

TT	Trạm	Vùng	Mưa hiện trạng và dự báo (mm)	So với mưa cùng thời đoạn (%)			Khuyến cáo
				Năm Min	TBNN	Năm Max	
1	Tam Đảo		2537,9	+ 463,6	+ 15,0	-56,7	Có mưa
2	Vĩnh Yên		1539,7	+ 628,7	+ 12,1	-65,2	Có mưa
3	Bến Hồ		1464,7	+ 1020,6	+ 12,1	-64,4	Có mưa
4	Đáp Cầu		1475,1	+ 496,0	+ 12,1	-66,6	Có mưa

Nhận xét và khuyến cáo:

Nhận xét mưa tích lũy: Từ ngày 27/IV đến 03/V/2018 trên toàn vùng phổ biến có mưa. Tổng lượng mưa hiện trạng và dự báo tính tới ngày 03/V/2018 tại các trạm mưa trong lưu vực phổ biến cao hơn TBNN từ 12% tới 15% nên khả năng lượng nước có thể cung cấp nước ngầm đảm bảo tương đương mức trung bình nhiều năm.



3. Tổng hợp thông tin hạn hán (nếu có)

TT	Huyện	Diện tích gieo trồng (ha)			Diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng do thiếu nước (ha)	Diện tích không canh tác do thiếu nước (ha)	Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng, hạn hán, xâm nhập mặn (ha)		
		Tổng cộng	Lúa	Cây trồng khác			Lúc cao nhất	Hiện tại	Dự báo xu thế
I	Tỉnh Bắc Ninh	22,923	20,114	2,808	0	0	0	0	
1	TP. Bắc Ninh	2,968	2,436	532	0	0	0	0	
2	H. Yên Phong	5,184	4,840	344	0	0	0	0	
3	H. Quế Võ	7,699	6,788	911	0	0	0	0	
4	H. Tiên Du	4,445	3,913	532	0	0	0	0	
5	TX. Từ Sơn	2,626	2,136	490	0	0	0	0	
II	Tỉnh Vĩnh Phúc	29,434	25,169	4,265	0	0	0	0	
1	TP. Vĩnh Yên	1,415	1,347	68	0	0	0	0	
2	TX. Phúc Yên	2,714	2,202	512	0	0	0	0	
3	H. Tam Dương	3,966	3,742	224	0	0	0	0	

TT	Huyện	Diện tích gieo trồng (ha)			Diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng do thiếu nước (ha)	Diện tích không canh tác do thiếu nước (ha)	Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng, hạn hán, xâm nhập mặn (ha)		
		Tổng cộng	Lúa	Cây trồng khác			Lúc cao nhất	Hiện tại	Dự báo xu thế
4	H. Tam Đảo	2,961	2,445	516	578	0	0	0	
5	H. Bình Xuyên	4,760	4,337	422	0	0	0	0	
6	H. Yên Lạc	5,976	4,780	1,196	0	0	0	0	
7	H. Vĩnh Tường	7,643	6,316	1,327	0	0	0	0	
III	Hà Nội	25,981	21,400	4,581	0	0	0	0	
1	H. Sóc Sơn	10,818	9,500	1,318	0	0	0	0	
2	H. Đông Anh	7,495	6,200	1,295	0	0	0	0	
3	H. Mê Linh	6,426	5,000	1,426	0	0	0	0	
4	H. Gia Lâm	1,242	700	542	0	0	0	0	
	Cộng	78,337	66,683	11,654	0	0	0	0	

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Nguồn nước phục vụ sản xuất năm bảo đảm cho sản xuất nông nghiệp. Đề bảo đảm sử dụng hợp lý nguồn nước, cần thực hiện các giải pháp sau.

- Tỉnh Vĩnh Phúc còn 8585,7 ha có khả năng bị hạn vụ đông xuân 2017 – 2018. Trong đó 7998,5 ha đã khắc phục bằng các biện pháp tưới như lắp bơm dã chiến, còn lại 578 ha đất thuộc huyện Tam Đảo cần chuyển đổi cơ cấu cây trồng.

- Sử dụng trạm bơm dã chiến để hỗ trợ: Bạch Hạc, Đại Định...

Bản tin tiếp theo sẽ phát hành vào 03/05/2018